



DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC KỲ 6 - 2023

KHOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO, KHOA LỊCH SỬ PHẬT GIÁO, KHOA HOÀNG PHÁP, KHOA TRUNG VĂN, KHOA PHẬT GIÁO VIỆT NAM, KHOA CÔNG TÁC XÃ HỘI, KHOA PHẬT HỌC TỪ XA, KHOA ĐẠI CƯƠNG, KHOA LUẬT HỌC PHẬT GIÁO, KHOA PHIÊN DỊCH PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

MÔN: TRUNG VĂN PHẬT PHÁP 6 , MÃ LỚP: 516.TV.CHIN116.1.B

GIẢNG VIÊN: ĐD.TS. THÍCH MINH ANH, SC.TS. THÍCH NỮ TỊNH HOA

NGÀY GIỜ HỌC: THỨ 5 TỪ TIẾT 5 ĐẾN 8 , TÒA HỌC ĐƯỜNG PHÒNG 401

STT	MSSV	Họ	Tên	Pháp Danh	Điểm	Ghi chú
1	1350000148	Hoàng Thị	Huệ	TN. Hạnh Liên		
2	2050000457	Đinh Thị Tú	Trinh	TN. Quang Minh		
3	2150000009	Nguyễn Công	Bằng	T. Xương Thiện		
4	2150000018	Lê Văn	Duệ	T. Nguyên Dũng		
5	2150000030	Vũ Anh	Đức	T. Nguyên Thành		
6	2150000031	Phan Hữu Quang	Đức	T. Đạo Minh		
7	2150000070	Cao Thanh	Lịch	T. Nhật Sự		
8	2150000073	Võ Nhật	Linh	T. Năng Hiền		
9	2150000103	Huỳnh	Nhánh	T. Nhuận Đại		
10	2150000126	Châu Anh	Quân	T. Trung Thái		
11	2150000127	Nguyễn Anh	Quân	T. Đức Ân		
12	2150000133	Ngô Thanh	Sang	T. Nhuận Thắng		
13	2150000138	Phan Văn	Sự	T. Hữu Pháp		
14	2150000139	Lê Văn	Sửu	T. Minh Thành		
15	2150000142	Mai Văn	Tài	T. Trung Đức		
16	2150000169	Đặng Văn Trường	Tươi	T. Nhuận Tĩnh		
17	2150000175	Nguyễn Quang	Thái	T. Đức Thạnh		
18	2150000197	Trần Đình	Thương	T. Tịnh Đức		
19	2150000209	Nguyễn Tấn	Trung	T. Tâm Bá		
20	2150000210	Nguyễn Minh	Trường	T. Trung Lưu		
21	2150000238	Phan Thị Kim	Chi	TN. Chánh Hạnh		
22	2150000241	Đào Thị	Chương	TN. Huệ Minh		
23	2150000249	Nguyễn Thị	Dung	TN. Nhuận Nguyên		
24	2150000254	Võ Thị Thùy	Dung	TN. An Hào		
25	2150000310	Nguyễn Thị Thu	Hương	TN. Quảng Hoa		

STT	MSSV	Họ	Tên	Pháp Danh	Điểm	Ghi chú
26	2150000312	Trương Thị Thùy	Hương	TN. Nhật Hạnh		
27	2150000320	Võ Thị Hồng	Khanh	TN. Vạn Tâm		
28	2150000322	Nguyễn Thị	Kiều	TN. Nhuận Hiền		
29	2150000342	Hà Thị	Loan	TN. Đức Nghiêm		
30	2150000357	Vương Lữ Lưu	Ly	TN. Tuệ Ngọc		
31	2150000360	Võ Thị	Lý	TN. Vạn Nhiên		
32	2150000388	Vũ Thị	Ngọc	TN. Trung Pháp		
33	2150000392	Ngô Thị Tuyết	Nhi	TN. Thanh Tâm		
34	2150000418	Trần Thị Kim	Phước	TN. Thọ Khánh		
35	2150000425	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	TN. Chánh Tịnh		
36	2150000429	Nguyễn Thị	Quyết	TN. Tuệ Nhật		
37	2150000443	Lê Thị Phúc	Thanh	TN. Chúc Trí		
38	2150000448	Nguyễn Thị	Thảo	TN. Nguyên Hiếu		
39	2150000468	Nguyễn Phương Anh	Thư	TN. Tuệ Liên		
40	2150000472	Phan Thị Thương	Thương	TN. Nhuận Thành		
41	2150000478	Trần Thanh	Thúy	TN. Phúc Minh		
42	2150000481	Lê Thị Yến	Thùy	TN. Thiên Hạnh		
43	2150000484	Bùi Thị	Thùy	TN. Nhuận Khả		
44	2150000496	Nguyễn Thị	Trà	TN. Chúc Hiền		
45	2150000520	Võ Thị Mộng	Tuyền	TN. Thánh Phúc		

Văn Phòng
(Ký, họ tên)

Giảng viên